

Bản án số: 134/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15/9/2020
V/v Xin ly hôn, nuôi con

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm N dân:

1. Bà Huỳnh Nhã Trúc.

2. Ông Trương Thanh Giảng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo là Thư ký Tòa án N dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án N dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2020/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc: “Xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Sầm Thị Bích T, sinh năm: 1981. Địa chỉ: khu phố Ngã Ba, TT. K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Phan Văn X, sinh năm: 1981. Địa chỉ: khu phố Ngã Ba, TT. K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai bà Sầm Thị Bích T trình bày:

Bà T và ông Phan Văn X chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn K, huyện K vào ngày 09/01/2014. Sau khi cưới bà T và ông X cùng về chung sống bên gia đình bà T. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông X ghen tuông vô cớ, nghi ngờ bà T là người đồng tính, đem chuyện bà T có quan hệ với người đàn bà khác kể với nhiều người làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của bà T. Từ chuyện này nên bà T rất buồn và dẫn đến sự việc vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau. Sau đó, ông X có thái độ gây gắt hay nặng lời làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng thêm mâu thuẫn trầm trọng. Đến năm 2017, thì ông X bỏ nhà đi đến nay, không quan tâm đến cuộc sống vợ con, bỏ mặc một mình bà T nuôi con nhỏ. Ông X có một vài lần đến tìm bà T nhưng với

thái độ không muốn hàn gắn nên bà T không gặp, sau đó thì ông X không quay lại nhà tìm nữa. Ông X không hề quan tâm đến con cái, không hề đưa đón con đi học, kể cả việc con học ở trường nào thì ông X cũng không biết. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên bà T cương quyết xin ly hôn với ông X.

Về con chung: Bà T và ông X có 01 người con chung tên Phan Hiếu N, sinh năm: 2014, bà T xin được tiếp tục nuôi con đến tuổi trưởng thành và yêu cầu ông X cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung và tài sản chung: Không có.

Ông Phan Văn Xtrình bày:

Ông X và bà T chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND thị trấn K, huyện K và về chung sống với gia đình bên vợ. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, nhưng đến ngày 18/9/2017, ông X phát hiện bà T nhắn tin tình cảm với người phụ nữ tên Cầm làm chung cơ quan của vợ. Vì vậy, ông X mới yêu cầu bà T điện thoại cho bà Cầm nói về việc ông X đã biết chuyện tình cảm giữa vợ ông với bà Cầm, để bà T và bà Cầm chấm dứt chuyện tình cảm đồng tính với nhau. Ông X đã lưu tất cả các tin nhắn tình cảm giữa bà T với bà Cầm vào điện thoại của ông, bà T thề trước mặt ông xin xóa tin nhắn nên ông mới đồng ý xóa toàn bộ tin nhắn trên.

Sau đó, ông X tiếp tục bắt gặp bà T đi với bà Cầm. Vì vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và cũng do ông Sầm Thanh Phong là anh ruột của bà T nói là không cho ông X ở chung nhà với bà T nữa nên ông mới bỏ về nhà ông sống từ tháng 02/2018 đến nay. Ông X không quay về, vì ông nhận thấy bên vợ không tin ông và cũng không có lời khuyên gì đối với việc làm sai trái của bà T nên ông không muốn quay về bên vợ sống, vì sẽ gây ra chuyện với bên vợ. Nay ông X vẫn còn thương vợ con, ông không muốn ly hôn, muốn quay về chung sống lo cho cuộc sống gia đình và con cái.

Về con chung: Ông với bà T có 01 người con chung tên Phan Hiếu N, như bà T trình bày là đúng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, ông X và T thống nhất về việc ông X sẽ cấp dưỡng nuôi con định kỳ mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Phan Hiếu N đủ 18 tuổi.

Qua xác minh tại khu phố Ngã Ba, thị trấn K và gia đình nơi sinh sống của bà T và ông X được biết: Ông X và bà T cưới nhau vào năm 2014 và về chung sống cùng với gia đình bà T tại khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K. Trong cuộc sống vợ chồng, ông X thường ghen tuông vô cớ, cho rằng bà T có quan hệ đồng tính với người phụ nữ khác, nhiều lần xúc phạm bà T. Năm 2017, vì ghen tuông nên ông X tự bỏ nhà ra đi, kể từ lúc bỏ nhà đi đến nay ông X không hề quan tâm đến vợ con, bỏ mặc cho bà T nuôi con một mình, không hề chu cấp cho con.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung

vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T ly hôn với ông X, giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận việc ông X tự nguyện cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét. Bà T phải chịu án phí hôn N theo quy định của pháp luật. Ông X phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về việc "Ly hôn và nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn ông Phan Văn X cư trú tại khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân huyện K. Đối với quan hệ hôn N và con chung của vợ chồng thì áp dụng Luật Hôn N và gia đình năm 2014 để xem xét giải quyết.

[2] Xét về quan hệ hôn N: Bà Sầm Thị Bích T và ông Phan Văn X có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn K, huyện K cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/01/2014, nên đây là hôn N hợp pháp. Xét về mâu thuẫn trong hôn N xuất phát từ việc ông X không tin tưởng và cho rằng bà T có quan hệ đồng tính với người phụ nữ khác nhưng bà T không thừa nhận và gia đình nơi ông X, bà T sinh sống cũng cho rằng ông X ghen tuông nghi ngờ bà T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác là không đúng sự thật. Vì vậy việc ông X cho rằng bà T có quan hệ đồng tính với người phụ nữ khác là không có cơ sở. Từ những mâu thuẫn ghen tuông trong cuộc sống vợ chồng mà ông X đã bỏ nhà đi, trong quá trình sống ly thân, ông X bỏ mặc vợ con không quan tâm, chăm sóc, tới lui thăm hỏi, để con cho bà T tự chăm sóc, nuôi dưỡng. Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên để vợ chồng trở về sống đoàn tụ nhưng bà T vẫn cương quyết xin ly hôn. Tại phiên tòa, bà T khẳng định không thể hàn gắn với ông X, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu không còn yêu thương, chăm sóc cho nhau. Tuy ông X mong vợ chồng về chung sống đoàn tụ nhưng xét thấy ông X đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn N lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn N không đạt được. Tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn N và gia đình quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn N không đạt được"*. Từ những căn cứ nêu trên xét nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà T và ông X có với nhau 01 người con chung tên Phan Hiếu N, sinh năm: 2014. Từ trước cho đến nay cháu N sống cùng bà T được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, không có sự quan tâm của ông X. Mặt khác thu nhập hàng tháng của bà T từ công việc điều dưỡng tại bệnh viện là 6.500.000 đồng, ngoài ra bà T còn làm thêm công việc ở Phòng khám tư N thu nhập mỗi tháng là 5.000.000 đồng, 02 khoản thu nhập đều ổn định. Vì vậy với thu

nhập nêu trên là đảm bảo cho bà T có đủ điều kiện nuôi dạy con chung. Do đó, xét nên tiếp tục giao con chung cho bà T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông X tự nguyện cấp dưỡng cho cháu N định kỳ mỗi tháng là 2.000.000 đồng đến khi cháu N đủ 18 tuổi và được bà T thống nhất, nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà T có yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Do ông X phải cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì caùc leõ treân,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn N và gia đình;
- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn N: Chấp nhận cho bà Sầm Thị Bích T được ly hôn với ông Phan Văn X.
- Về con chung: Giao con chung là Phan Hiếu N, sinh năm: 2014, giới tính nam cho bà T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.
- Về cấp dưỡng: Ghi nhận việc ông X tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Phan Hiếu N định kỳ mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.
- Bà T và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông X trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
- Về án phí: Bà Sầm Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng. Sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0000157 ngày 02/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, nên bà T không phải nộp thêm. Buộc ông Phan Văn X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với việc cấp dưỡng là 300.000 đồng.
- Về quyền kháng cáo: Báo cho bà T và ông X được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND thị trấn K;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Pho

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA